

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Đinh Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2019 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2019/TB-TA, ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thủy T, sinh năm 1991; thường trú: Số 3.../5.../3... Lê Hồng P, tổ 9, khu 8, phường H, thành phố T, tỉnh D; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Q, sinh năm 1989; thường trú: Khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh D; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2019, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thủy T trình bày:

Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh D vào ngày 16/6/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, quan tâm, chăm sóc cho nhau được khoảng 02 năm. Đầu năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh Q thường xuyên đi uống rượu và có những lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình chị T, cuối năm 2018 chị T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn và đồng ý đoàn tụ cùng xây dựng gia đình với anh Q nhưng anh Q vẫn không thay đổi cách sống, vẫn thường xuyên bỏ nhà đi và ghen tuông vô cớ với chị T. Hiện nay, chị T và anh Q không còn sống chung với nhau,

hai bên tự lo cho cuộc sống của bản thân mà không còn quan tâm đến nhau. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 16/01/2017. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Gia H; chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Q trình bày:

Anh Q thống nhất với phần trình bày của chị T về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do anh Q làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau, ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn về vấn đề nuôi dạy con chung, hai bên đều đưa ra phương pháp giáo dục con khác nhau. Anh Q cho rằng những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và hiện nay vấn đề kinh tế của anh Q cũng đã tương đối ổn định, hiện anh Q vẫn còn tình cảm với chị T, do đó anh Q không đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T và anh Q ly hôn thì anh Q đồng ý giao con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 16/01/2017 cho chị T nuôi dưỡng. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q tại nhà cha mẹ ruột của anh Q thì ông Đặng Văn S và bà Phan Thị L cho biết: Sau khi cưới thì anh Q về sinh sống tại nhà mẹ ruột của chị T để thuận tiện công việc. Quá trình chung sống do anh Q làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh Q và chị T đã trưởng thành nên gia đình anh Q không có ý kiến về chuyện hôn nhân của các con.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi vợ chồng chị T và anh Q thường xuyên sinh sống được chính quyền địa phương xác định không rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q, chỉ xác định hiện nay chị Trúc và anh Quang không còn ở chung nhà với nhau tại số nhà Số 3.../5.../3... Lê Hồng P, tổ 9, khu 8, phường P H, thành phố T, tỉnh D.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thủy T về việc ly hôn, người trực tiếp nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 5.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thủy T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đặng Quang và hiện nay anh Quang đang cư trú tại khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thủy T và anh Đặng Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại UBND xã (Nay là thị trấn) T, huyện B, tỉnh D theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, cả hai bên không có tiếng nói chung nên nhiều lần vợ chồng bất hòa dẫn đến xung đột, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do anh Q thường xuyên đi uống rượu và có lời lẽ xúc phạm đến chị T và gia đình chị T. Cuối năm 2018, chị T đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng đồng ý tiếp tục đoàn tụ cùng xây dựng lại gia đình với anh Q nhưng anh Q vẫn không thay đổi cách sống, vẫn thường xuyên đi uống rượu và ghen tuông vô cớ với chị T. Vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai, muốn sống ra sao thì sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Anh Q thống nhất với chị T là cũng có mâu thuẫn nhất định nguyên nhân do anh Q làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại với nhau và vợ chồng có mâu thuẫn vì mỗi người đưa ra một phương pháp giáo dục con chung khác nhau. Anh Q cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và hiện nay kinh tế của anh Q đã tương đối ổn định, do vẫn còn tình cảm với chị T nên anh Q không đồng ý ly hôn.

[4] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh Q không muốn ly hôn với chị T nhưng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm và bản thân chị T cũng không muốn hàn gắn tình cảm. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị T và anh Q không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thủy T về việc ly hôn anh Đặng Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Đặng Gia H, sinh ngày 16/01/2017 là con chung của chị T và anh Q chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu H hiện đang được chị T nuôi dưỡng; khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H, anh Q đồng ý giao con chung cho chị T nuôi. Căn cứ khoản 3

Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Hội đồng xét xử xét thấy cháu H hiện đang còn nhỏ, chị T có công việc và thu nhập ổn định nên việc tiếp tục giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Gia H, sinh ngày 16/01/2017 hàng tháng mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị T đồng ý nên HĐXX ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thủy T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thủy T đối với anh Đặng Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thủy T được ly hôn với anh Đặng Q.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2016 do UBND xã (Nay là thị trấn) T, huyện B, tỉnh D cấp ngày 16/6/2016 cho chị Nguyễn Thủy T và anh Đặng Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thủy T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Đặng Gia H, sinh ngày 16/01/2017. Anh Đặng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi..

Anh Đặng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung là cháu Đặng Gia H mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp anh Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q. Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi

người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thủy T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do chị T đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033595 ngày 14/3/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố T.

5. Về án phí cấp dưỡng: Anh Đặng Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh D;
- VKSND huyện B;
- CQTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn T, huyện B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Hùng Bô Quốc Khánh

Nguyễn Mạnh Hùng

